

Bản án số: 74/2025/DS-PT

Ngày: 21 - 02 - 2025

V/v “Tranh chấp chia thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 582/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 349/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 418/2024/QĐXX-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn:

1.1. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1951; Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

1.2. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp O, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

1.3. Bà Bùi Kim C, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

1.4. Ông Bùi Minh T, sinh năm 1965.

1.5. Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Tăng Bửu N, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư của Văn phòng Luật sư Ánh Sáng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 321, đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3.2. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị M: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư của Văn phòng Luật sư Ánh Sáng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 321, đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.3. Anh Bùi Hữu Đ, sinh năm 1997.

3.4. Anh Bùi Tấn Đ, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Phạm K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3.5. Ông Lê Xã T, sinh năm 1954.

3.6. Anh Lê Văn T1, sinh năm 1978 (con ông Tắc).

3.7. Anh Lê Bá H, sinh năm 1979 (con ông Tắc).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3.8. Chị Lê Hồng T, sinh năm 1980 (con ông Tắc); Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Cá, tỉnh Cà Mau.

3.9. Chị Lê Xuân P, sinh năm 1982 (con ông Tắc); Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

* Người kháng cáo:

- Ông Bùi Văn K, là bị đơn.

- Bà Hồ Thị M, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Các đồng nguyên đơn là bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Đậm, bà Bùi Kim Chung, ông Bùi Minh Thông, ông Bùi Văn Thắm (Ủy quyền cho ông Võ Thanh Tùng) trình bày:

Cụ Bùi Tấn Lực và cụ Phạm Thị Anh có tạo lập phần đất diện tích 32.110 m², đất toạ lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Lúc cụ Lực còn sống, cụ Lực

và cụ Anh có cho đất ông Điền 05 công, sau khi cụ Lực chết, cụ Anh tiếp tục cho đất ông Thắm 05 công đất ruộng, cụ Anh cho ông Thắm thêm phần đất vườn, cho bà Chung 02 công đất ruộng, cho ông K 05 công đất ruộng. Như vậy, cụ Anh còn lại 06 công đất ruộng và phần đất vườn. Do ông Điền thờ ông Hoàng (liệt sỹ), nên cụ Anh cho ông Điền thêm 01 công đất ruộng. Các phần đất tặng cho, ông Điền, ông Thắm quản lý sử dụng, còn phần đất của bà Chung chuyển nhượng lại cho ông K. Cụ Lực còn sống, trên phần đất có 01 căn nhà của cụ Lực và cụ Anh và cùng sinh sống với vợ chồng ông K. Khi cụ Lực mất, vợ chồng ông K tự động sống riêng và làm nhà phần đất kế bên để ở. Cụ Anh cho vợ chồng ông K một phần đất vườn, phần đất còn lại cụ Anh quản lý đến khoảng năm 2001 – 2002 cho vợ chồng ông K thuê nhưng không đong lúa cho cụ Anh đầy đủ, đến khoảng năm 2010 cụ Anh thừa vợ chồng ông K đến Chính quyền ấp thì vợ chồng ông K đong trả cho cụ Anh 50 gia lúa. Cụ Anh yêu cầu vợ chồng ông K trả đất nhưng không trả. Cụ Anh có khởi kiện vợ chồng ông K đến Tòa án nhân dân huyện T giải quyết nhiều lần nhưng sau đó cụ Anh chết, Tòa án đình chỉ giải quyết đến nay, còn phần đất của cụ Anh do vợ chồng ông K chiếm giữ đến nay. Do cụ Anh lớn tuổi, không biết chữ ông K đã tự động kê khai để được cấp Giấy chứng nhận cụ Anh không biết. Đến khoảng tháng 12/2012 cụ Anh phát hiện và có khiếu nại, sau đó Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi các Giấy chứng nhận đã cấp cho ông K, nhưng sau đó lại huỷ Quyết định thu hồi. Nay, các đồng nguyên đơn là bà X, bà Đạm, bà Chung, ông Thắm, ông Thông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lực và cụ Anh chết để lại là phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 21.767,7 m², đất tọa lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

** Bị đơn ông Bùi Văn K trình bày:*

Phần đất 32.110 m², tọa lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, có nguồn gốc là của cụ Lực và cụ Anh khai phá trước năm 1970 và quản lý sử dụng đến năm 1993 thì cụ Lực chết, còn cụ Anh ở chung với ông K. Thời điểm này, cụ Lực và cụ Anh chưa được cấp Giấy chứng nhận. Năm 1993 lúc cụ Lực còn sống, khi Nhà nước có chủ trương kê khai đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Lực và cụ Anh tặng cho toàn bộ phần đất nêu trên cho ông K, đồng thời chính cụ Lực là người trực tiếp đăng ký kê khai đất và để cho ông K được đứng tên quyền sử dụng đất. Từ đó, ông K được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận số C 127830 ngày 20/01/1995. Phần đất ông Điền quản lý, do cụ Lực cho lúc cụ Lực còn sống, còn phần đất của bà Chung và ông Thắm do ông K tặng cho. Sau đó, ông K có làm thủ tục xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp lại 05 Giấy chứng nhận số BI 705263, số BI 705264, số BI 705265, số BI 705266, số BI 705267, cùng ngày 19/4/2012, với tổng diện tích 35.428 m², thửa đất số 198, 199, 200, 208, 216, tờ bản đồ số 7. Nhưng sau đó, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 về việc thu hồi 05 Giấy chứng nhận đã cấp cho ông K. Ông K khiếu nại và được Ủy ban nhân dân

huyện T ban hành Quyết định thu hồi lại đối với Quyết định về việc thu hồi 05 Giấy chứng nhận và hiện nay bản gốc của 05 Giấy chứng nhận do ông K quản lý đến nay. Đối với, phần đất của ông Điền và ông Thắm, ông K đồng ý tách quyền sử dụng đất. Trên phần đất của ông K quản lý có 01 ngôi nhà và các công trình phụ khác là của ông K tự xây cất. Trước đó cụ Lực và cụ Anh có căn nhà nhưng bị hư hỏng và không còn tồn tại trên đất. Ngoài ra, trên phần đất có 01 ngôi mộ của cụ Lực, còn cụ Anh sau khi qua đời được chôn cất ở phần đất khác của ông Thông, ông Thông thờ cúng cụ Anh, ông K thờ cúng cụ Lực. Nay, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất 21.767,7 m², thì ông K không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị M trình bày:* Thống nhất với ý kiến trình bày của ông K và người đại diện theo ủy quyền.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ, anh Bùi Hữu Đức, anh Bùi Tấn Đạt, ông Lê Xã Tắc, anh Lê Văn Thống, anh Lê Bá Huy, chị Lê Hồng Thê, chị Lê Xuân Pha:* Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật, nhưng các đương sự này vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 349/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Đạm, bà Bùi Kim Chung, ông Bùi Minh Thông.

Xác định phần đất 12.711,9 m² (thửa số 7: diện tích 2.575,6 m² - đất trồng cây lâu năm, thửa số 9: diện tích 10.136,3 m² - đất trồng lúa), thửa đất số 198, 199, 200, 208, 216, tờ bản đồ địa chính số 07, chính lý năm 2022, đất tọa lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, là di sản của cụ Bùi Tấn Lực và cụ Phạm Thị Anh.

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị X số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Đạm số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Bùi Kim Chung số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho ông Bùi Minh Thông số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Giao cho ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M quản lý số tiền 261.597.000 đồng (của ông Điền và hàng thừa kế thứ nhất của bà Tím là ông Lê Xã Tắc, anh Lê Văn Thông, anh Lê Bá Huy, chị Lê Hồng Thê, chị Lê Xuân Pha).

Ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M được quyền sử dụng phần đất 12.711,9 m² (kích thước, hiện trạng phần đất tương ứng thửa số 7: diện tích 2.575,6 m² - đất trồng cây lâu năm, thửa số 9: diện tích 10.136,3 m² - đất trồng lúa), thửa đất số 198, 199, 200, 208, 216, tờ bản đồ địa chính số 07, chỉnh lý năm 2022, đất tọa lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M được quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Bùi Văn Thắm về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 12.711,9 m², đất tọa lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, phần lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/10/2024, bị đơn ông Bùi Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị M kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do là phần đất các nguyên đơn khởi kiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Bùi Văn K, ông K được cấp quyền sử dụng từ năm 1995 đến nay nên không còn là di sản của cụ Lực và cụ Anh, không có việc tranh chấp thuê mướn đất với cụ Anh, không có tài liệu nào chứng minh về vấn đề thuê mướn này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M, thấy rằng:

[2.1] Thứ nhất, đối với việc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M và Luật sư tranh luận xác định phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Bùi Văn K từ năm 1995. Theo chứng cứ tại hồ sơ thể hiện, thủ tục cấp quyền sử dụng đất năm 1995 là có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người yêu cầu là Bùi Văn K, đơn không thể hiện ngày tháng năm, trong đơn có nội dung kê khai nguồn gốc thửa đất “Đất phụ ẩm”. Quyết định số 181/QĐ-UB ngày 11/5/1994 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1.467 cá nhân. Đến ngày 20/6/1995 ông Bùi Văn K được cấp quyền sử dụng đất diện tích 32.110m².

Bản án sơ thẩm nhận định rất rõ về nguồn gốc đất và lời trình bày của ông Bùi Văn K (tại trang 6 của bản án) về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất cụ Lực có cho đất ông Bùi Văn Đ và ông Bùi Văn Thắm nhưng khi cấp quyền sử dụng đất thì vẫn đứng tên ông Bùi Văn K cả 02 phần đất mà cụ Lực đã cho. Tại phiên tòa phúc thẩm ông K thừa nhận khi có đoàn khảo sát đo đạc để cấp đất năm 1993, có đến nhà yêu cầu thực hiện thủ tục để cấp quyền sử dụng đất, lúc này sức khỏe của cụ Lực yếu nên tự ông đi kê khai đăng ký sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này chứng minh là ông Bùi Văn K chỉ đại diện gia đình đứng tên quyền sử dụng đất, Luật sư tranh luận cho rằng ông Bùi Văn K được cụ Bùi Tấn Lực tặng cho quyền sử dụng đất nên ông mới đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo đúng trình tự luật định là không có cơ sở. Ông Bùi Văn K không chứng minh được việc cụ Bùi Tấn Lực và cụ Phạm Thị Anh tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông, tất cả các anh chị em của ông Bùi Văn K không thừa nhận.

[2.2] Thứ hai, về vấn đề ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M cho rằng không có chứng cứ chứng minh về việc ông Bùi Văn K có tranh chấp với cụ Phạm Thị Anh về việc cụ Phạm Thị Anh cho ông Bùi Văn K thuê đất. Tại bút lục số 116, 118 và ngay tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của bị đơn cũng thừa nhận là ông K trình bày có việc thuê đất và đóng lúa cho cụ Phạm Thị Anh nhưng lại xác định trình bày như vậy mục đích để làm vui lòng cụ Anh (BL 307).

Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản hoà giải (bút lục 116, 118) thể hiện nội dung ông K không đồng ý trả lại đất đã thuê của cụ Phạm Thị Anh, nội dung biên bản cũng thể hiện vấn đề tranh chấp đã xảy ra thời gian dài. Do đó, lời trình bày của ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M cho rằng không có chứng cứ chứng minh có việc thuê đất của ông K và cụ Anh là không có cơ sở. Thời điểm cụ Anh còn sống phát sinh tranh chấp cũng đã chứng minh việc ông Bùi Văn K đứng tên quyền sử dụng đất chỉ là đứng tên về mặt thủ tục, thực tế quyền sử dụng đất ông Bùi Văn K không quản lý và sử dụng hết.

Đối với tranh luận của Luật sư cho rằng không có tranh chấp với cụ Anh về việc ông K thuê đất, vì nếu có tranh chấp thì cụ Anh không ký tên ủy quyền cho ông K để ông K thực hiện thủ tục để được cấp quyền sử dụng đất. Như nhận định

trên và quá trình giải quyết tranh chấp các bên không ai đặt ra yêu cầu liên quan đến chữ ký của cụ Anh, nguyên đơn không thừa nhận chữ ký của cụ Anh, hiện cụ Anh đã chết nên không có căn cứ chấp nhận tranh luận của Luật sư. Đối với tranh luận về vấn đề chứng thư thẩm định giá quá thời hạn 06 tháng cũng như chi phí đầu tư cải tạo trên phần đất, nguyên đơn xác định bị đơn chỉ đào ao nuôi cá và việc nuôi cá phục vụ cho nhu cầu của bị đơn không làm tăng giá trị nên không thống nhất. Xét quá trình giải quyết các bên không ai yêu cầu, khi kháng cáo bị đơn cũng không đặt ra nên không có căn cứ xem xét.

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M. Như phân tích trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 349/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

1. Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 649, 651 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Đạm, bà Bùi Kim Chung, ông Bùi Minh Thông.

Xác định phần đất 12.711,9 m² (thửa số 7: diện tích 2.575,6 m² - đất trồng cây lâu năm, thửa số 9: diện tích 10.136,3 m² - đất trồng lúa), thửa đất số 198, 199, 200, 208, 216, tờ bản đồ địa chính số 07, chính lý năm 2022, đất tọa lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, là di sản của cụ Bùi Tấn Lực và cụ Phạm Thị Anh.

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị X số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Đậm số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Bùi Kim Chung số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M có trách nhiệm trả cho ông Bùi Minh Thông số tiền là 130.798.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Giao cho ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M quản lý số tiền 261.597.000 đồng (của ông Điền và hàng thừa kế thứ nhất của bà Tím là ông Lê Xã Tắc, anh Lê Văn Thông, anh Lê Bá Huy, chị Lê Hồng Thê, chị Lê Xuân Pha).

Ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M được quyền sử dụng phần đất 12.711,9 m² (kích thước, hiện trạng phần đất tương ứng thửa số 7: diện tích 2.575,6 m² - đất trồng cây lâu năm, thửa số 9: diện tích 10.136,3 m² - đất trồng lúa), thửa đất số 198, 199, 200, 208, 216, tờ bản đồ địa chính số 07, chỉnh lý năm 2022, đất tọa lạc tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M được quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí:

3.1. *Án phí sơ thẩm:* Bà Bùi Thị X và bà Bùi Thị Đậm được miễn án phí theo quy định.

Ông Bùi Văn Thắm được nhận lại tiền tạm ứng phí số tiền là 4.952.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng) tại Biên lai thu 7307 ngày 22/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Bùi Minh Thông phải nộp án phí dân sự số tiền là 6.539.900 đồng, đối trừ số tiền 4.952.000 đồng mà ông Thông đã dự nộp tại Biên lai thu 7308 ngày 22/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau, nay ông Thông còn phải nộp tiếp số tiền là 1.587.900 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm đồng).

Buộc bà Bùi Kim Chung phải nộp án phí dân sự số tiền là 6.539.900 đồng, đối trừ số tiền 4.952.000 đồng mà bà Chung đã dự nộp tại Biên lai thu 7306 ngày 22/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau, nay bà Chung còn phải nộp tiếp số tiền là 1.587.900 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M phải nộp án phí dân sự số tiền là 6.539.900 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi chín ngàn chín trăm đồng).

3.2. *Án phí phúc thẩm:* Ông Bùi Văn K và bà Hồ Thị M phải chịu mỗi người là 300.000 đồng. Đã dự nộp theo biên lai thu số 0005827, 0005828 ngày 04/11/2024 tại Chi cục Thi hành án huyện T được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

